

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 09/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trọng Trung.

2. Ông La Văn Chinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vương Ngọc Long - Thư ký tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS đối với các bị cáo:

1/ Phạm Văn Q, sinh ngày 07/02/1989, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1964; con bà: Lự Thị T, sinh năm 1963. Hiện đều trú tại: Xã V, huyện V, tỉnh L.

Vợ: Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 1994 (đã li hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2012, hiện trú tại xã Võ L, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bản áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngày 07/12/2017 chấp hành xong trở về địa phương.

Bị bắt tạm giam ngày 26/12/2017 đến nay tại Công an huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2/ Hoàng Đình N, sinh ngày 24/4/1991, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1966; con bà: Lương Thị S, sinh năm 1959. Hiện đều trú tại: Xã V, huyện V, tỉnh L.

Vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1990, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất sinh năm 2014, hiện trú tại xã V, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 26/12/2017 đến nay tại Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3/ Hà Văn H, sinh ngày 10/10/1972, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hà Văn L (đã chết); con bà: Lự Thị N, sinh năm 1950. Hiện trú tại: Xã D, huyện V, tỉnh L.

Vợ: Hoàng Thị C, sinh năm 1974, bị cáo có 05 con lớn nhất sinh năm 1993 nhỏ nhất sinh năm 2014, hiện trú tại xã V, huyện V, L.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngày 25/6/2017 chấp hành xong trở về địa phương.

Bị bắt tạm giam ngày 26/12/2017 đến nay tại Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bị hại: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1963 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn É, xã V, huyện V, tỉnh L.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1 - Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1966 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L.

2 - Bà Lự Thị T, sinh năm 1963 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L.

Những người làm chứng:

- Ông Trần Quang T, sinh năm 1987 - Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1973 - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 20/12/2017 Phạm Văn Q, đi đến nhà Hà Văn H, ở Thôn T, xã V, huyện V chơi thì thấy có Hoàng Đình N cũng đang ở đó (Q, N, H đều là người nghiện ma túy), cả ba cùng nhau nấu cơm ăn và ngủ tại nhà H. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đang ngồi nói chuyện H nói với Q và N “Bây giờ thiết kế ở đâu con hàng để chơi”, Q nói “Bây giờ chỉ có đi trộm xe máy mới có tiền thôi”, nghe thấy Q nói thế cả H và N đều đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày H cầm theo một chiếc đèn pin, còn N cầm theo một con dao nhọn dài khoảng 40cm ở nhà H để đi trộm cắp xe máy, H bảo đi vào đường trong Thôn É, xã V, Q, N đồng ý. Cả ba đi bộ đến gần nhà văn hoá của thôn E 2, 3, xã V thì thấy có đông người đang tổ chức ăn uống ở nhà văn hóa, Q và N đi lên xem có xe máy không, còn H đứng đợi ở dưới đường, khi lên đến gần sân nhà văn hoá thấy có người đi xe máy đi xuống nên Q đã trón vào bụi cây, còn N đi quay lại chỗ H đang đứng đợi, Q quan sát thấy trên sân nhà Văn Hóa có nhiều xe máy không có người trông coi; Q đi vào chỗ dựng xe dắt trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA

Jupiter màu đen bạc, BKS: 24B1-001.94 của ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1963, trú tại Thôn É, xã V. Sau khi lấy được xe Q thả trôi dốc xuống dưới đường chỗ H, N đang đứng đợi, cả 3 cùng dắt xe đi cách nhà văn hoá khoảng 300m và đẩy xe vào ruộng ngô ven đường để phá khoá xe. H đứng ở đường cảnh giới, Q lấy dao nhọn N mang theo chọc vào ổ khoá xe nhưng không mở được khoá, Q dùng dao nhọn cạy vỡ phần cánh yếm tại khu vực ổ khoá điện để đấu dây điện nổ được máy xe, cả ba lên xe đi về, đến gần nhà H, Q và N bảo H về nhà đợi để Q và N mang xe đi bán. Q và N đi đến quán sửa chữa xe máy của anh Trần Quang T, sinh năm 1987, trú tại Thôn H, xã P để bán xe nhưng do xe không có giấy tờ nên không bán được. Q điều khiển xe chở N đến nhà anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1973, trú tại Thôn T, xã P (là người quen của Q) mượn tước nơ vít và tháo phần cánh yếm xe, Sau đó Q điều khiển xe chở N mang theo hai cánh yếm ra giữa cầu treo thuộc thôn N, xã P vứt xuống suối, N dùng tay bẻ chắn bùn phía sau có gắn BKS 24B1-001.94, tiếp đó Q, N cùng tháo gương của xe rồi vứt tất cả xuống suối rồi cả hai đi về nhà H. Q bảo N đi vào nhà H mang gạo đi bán lấy tiền tiêu xài, N vào nhà nói với H, H đồng ý đưa khoảng 10 Kg gạo cho N, N lấy gạo đi ra ngoài gặp Q rồi cả hai đi ra sân bóng thuộc thôn L, xã V thì thấy có người đang đuổi theo. Q, N đi xe trộm cắp được bỏ chạy theo đường bê tông thôn L đến đến bãi ngô ở thôn B, xã V, N nhảy ra khỏi xe và mang theo bao gạo bỏ chạy, còn Q điều khiển xe đi thêm khoảng 50m nữa cũng vứt xe lại và bỏ chạy vào ruộng ngô. Sau đó, Công an xã V đã lập biên bản vụ việc và thu giữ xe mô tô, triệu tập Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H đến làm việc, cả 3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn làm rõ đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về trách nhiệm hình sự: * Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Đình N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, loại dao một lưỡi mũi nhọn dài 43cm là công cụ dùng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

Công nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: 01 xe mô tô Biển kiểm soát: 24B1 - 001.94, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn: Đen-Bạc, 01 bộ cánh yếm, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24B1-001.94 mang tên Phạm Văn Đ.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Người bị hại vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 17 giờ ngày 20/12/2017 Phạm Văn Q rủ Hà Văn H và Hoàng Đình N (Q, N, H đều là bạn của nhau và cùng nghiện ma túy) đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Sau đó cả ba thống nhất chuyển bị công cụ và đi vào đường thôn É, xã V để trộm cắp xe máy. Khi đi đến nhà văn hóa thôn É thấy có đông người đang tổ chức ăn uống trên sân có nhiều xe máy không có người trông coi. Sau khi quan sát lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu Q đi vào chỗ dựng xe dắt trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đen bạc, BKS: 24B1-001.94. Sau đó cả ba cạy vỡ phần cánh yếm tại khu vực ổ khoá điện để đấu dây điện nổ xe máy, H về nhà còn Q, N điều khiển xe mang ra xã P, huyện B bán nhưng không ai mua. Để tránh bị phát hiện các bị cáo mượn tuốc nơ vít tháo phần cánh yếm xe, dùng tay bẻ chặn bùn phía sau có gắn BKS 24B1-001.94, tiếp đó tháo gương của xe rồi mang ra giữa cầu treo thuộc thôn N, xã P vứt xuống suối. Sau đó Q, H điều khiển xe mô tô ra sân bóng thuộc thôn L, xã V thì mọi người phát hiện đuổi, cả hai bỏ xe chạy. Công an xã Võ Lao đã lập biên bản vụ việc thu giữ chiếc xe và triệu tập Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H đến làm việc, cả 3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐGTS ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS: 24B1 - 001.94, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn: Đen - Bạc, xe được đăng ký, sử dụng từ ngày 05/3/2011 có trị giá còn lại là 15.600.000^d (mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng.)

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H trộm cắp tài sản của người khác có trị giá 15.600.000^d (mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng.) Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Phạm Văn Q là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành. Bị cáo Hoàng Đình N, Hà Văn H cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là những người khỏe mạnh đã có gia đình nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, đua đòi dẫn đến nghiện ma túy. Các bị cáo lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Các bị cáo Q và H còn có tiền sự bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục sử dụng ma túy và phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Phạm Văn Q: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có Ông, Bà nội có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng, Huy chương, Huân chương kháng chiến; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; là đối tượng nghiện ma túy, làm nghề trồng trọt chỉ đủ ăn, không có tài sản riêng.

- Đối với Hoàng Đình N: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có Ông nội có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; là đối tượng nghiện ma túy, gia đình thuộc hộ cận nghèo của xã.

- Đối với Hà Văn H: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là đối tượng nghiện ma túy, làm nghề trồng trọt chỉ đủ ăn, không có tài sản riêng.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi xe mô tô Biển kiểm soát: 24B1 - 001.94, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn: Đen-Bạc, 01 bộ cánh yếm, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24B1-001.94 mang tên Phạm Văn Đ cho ông Đ là chủ sở hữu hợp pháp cần công nhận.

- Phạm Văn Q đã nhờ mẹ đẻ là bà Lữ Thị T; Hoàng Đình N đã nhờ bố đẻ là ông Hoàng Văn Đ, bồi thường cho người bị hại là ông Phạm Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng. Ông Phạm Văn Đ đã nhận tiền bồi thường và không đề nghị gì thêm; bà Lữ Thị T và ông Hoàng Văn Đ, không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại nên cần công nhận.

[7] Về vật chứng: 01 con dao một lưỡi mũi nhọn dài 43cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27cm, bản rộng nhất 03cm, chuôi dao bằng gỗ tròn, dài 16cm, đường kính 2,5cm là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 chiếc gương xe máy; 01 tấm nhựa chắn bùn phía sau, có gắn BKS: 24B1-001.94; 01 đèn pin loại (đèn đội đầu). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn Q là người cho mượn tước nơ vít để tháo cánh yếm xe mô tô, anh Q không biết là xe trộm cắp. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2017 ngày tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Đình N 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2017 ngày tạm giam bị cáo.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2017 ngày tạm giam bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận cơ quan điều tra đã trả lại: 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 24B1 - 001.94, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn: Đen-Bạc, 01 bộ cánh yếm, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 24B1-001.94 mang tên Phạm Văn Đ cho ông Phạm Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

- Công nhận bà Lữ Thị T và ông Hoàng Văn Đ, bồi thường cho người bị hại là ông Phạm Văn Đ số tiền 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) tiền thiệt hại tài sản.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao, loại dao một lưỡi mũi nhọn dài 43cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27cm, bản rộng nhất 03cm, chuôi dao bằng gỗ tròn, dài 16cm, đường kính 2,5cm là công cụ dùng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn Q, Hoàng Đình N, Hà Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai sơ thẩm kết thúc hồi 10 giờ 45 phút cùng ngày 09/3/2018.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND huyện(02);
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(03);
- Người bị hại(01);
- Người có QLNVLQ(02);
- THAHS, THADS(04);
- Lưu HS, VP(03).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái